

Số: 05 /2021/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 30 tháng 7 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI  
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;  
Căn cứ Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về việc quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;  
Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;  
Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về việc quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;  
Xét Tờ trình số 7679/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 390/BC- HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập.

b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ các hoạt động của nhà trường.

c) Không áp dụng đối với cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

## **Điều 2. Các khoản thu và mức thu**

### **1. Các khoản thu**

#### **a) Khoản thu phục vụ học tập**

Khoản thu phục vụ học tập nhằm hỗ trợ các cơ sở giáo dục mua sắm dụng cụ, vật phẩm phục vụ trực tiếp học tập của học sinh như: Mua bổ sung ghế ngồi dự chào cờ, dự lễ cho học sinh; photo đề kiểm tra, đề thi học kỳ, giấy thi; mua phù hiệu; mua học bạ cho học sinh đầu cấp.

#### **b) Khoản thu vệ sinh trường lớp**

Khoản thu vệ sinh trường lớp nhằm hỗ trợ các cơ sở giáo dục đảm bảo kinh phí hợp đồng thời vụ với người lao động để thực hiện vệ sinh trường lớp.

#### **c) Khoản thu phục vụ bán trú ở cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học**

Khoản thu phục vụ bán trú ở cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học nhằm hỗ trợ giáo viên chăm sóc học sinh buổi trưa các lớp bán trú; hỗ trợ cán bộ quản lý, nhân viên phục vụ; phụ thu tiền điện, nước, tăng cường trang thiết bị và các nội dung khác phục vụ hoạt động bán trú.

#### **d) Khoản thu giữ trẻ mầm non ngoài giờ chính khóa**

Khoản thu giữ trẻ mầm non ngoài giờ chính khóa nhằm hỗ trợ giáo viên, nhân viên phục vụ giữ trẻ ngoài giờ chính khóa khi phụ huynh học sinh có yêu cầu.

### **2. Mức thu**

#### **a) Khoản thu phục vụ học tập**

*ĐVT: Đồng/học sinh/tháng*

STT	Cấp học	Mức thu
1	Tiểu học	
	- Khối lớp 1	8.000
	- Khối lớp 2, 3, 4, 5	3.500
2	Trung học cơ sở	
	- Khối lớp 6	15.000
	- Khối lớp 7, 8, 9	8.000
3	Trung học phổ thông	
	- Khối lớp 10	16.000
	- Khối lớp 11, 12	9.000

## b) Khoản thu vệ sinh trường lớp

ĐVT: Đồng/học sinh/tháng

STT	Cấp học	Mức thu		
		Thành phố Biên Hòa, Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom	Các huyện Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất	Các huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú
1	Tiểu học	11.000	10.000	8.000
2	Trung học cơ sở, trung học phổ thông	14.000	13.000	11.000

## c) Khoản thu phục vụ bán trú ở cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học (không bao gồm tiền ăn của học sinh)

ĐVT: Đồng/học sinh/tháng

STT	Cấp học	Mức thu		
		Thành phố Biên Hòa, Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom	Các huyện Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất	Các huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú
1	Tiểu học			
	- Thuê đơn vị bên ngoài nấu	165.000		
	- Trường tổ chức nấu	210.000	205.000	200.000
2	Mẫu giáo, mầm non	140.000		

## d) Khoản thu trông trẻ mầm non ngoài giờ chính khóa: 11.500 đồng/học sinh/giờ.

đ) Các mức thu quy định tại Khoản này là mức thu tối đa. Tùy tình hình thực tiễn của cơ sở giáo dục và theo đề xuất của phụ huynh học sinh, cơ sở giáo dục và phụ huynh học sinh thỏa thuận mức thu cụ thể nhưng không vượt quá mức thu quy định tại Khoản này.

Trường hợp Chính phủ tăng mức lương tối thiểu vùng thì cơ sở giáo dục và phụ huynh học sinh thỏa thuận tăng mức thu quy định tại điểm b, điểm c Khoản này nhưng tỷ lệ tăng không vượt quá tỷ lệ tăng lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.

3. Các cơ sở giáo dục được thỏa thuận với phụ huynh học sinh để huy động một số khoản thu phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục do đơn vị bên ngoài cung ứng nhằm đảm bảo hoạt động giáo dục của nhà trường và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Khoản thu thỏa thuận tại khoản này thực hiện theo nguyên tắc thu đủ, chi đủ, đúng mục đích, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội, thu nhập của từng địa phương. Mức thu căn cứ trên cơ sở dự toán chi phí, nội dung chi và phải được thỏa thuận bằng văn bản với phụ huynh học sinh trên tinh thần tự nguyện.

#### 4. Chế độ miễn giảm

a) Miễn các khoản thu đối với học sinh: Thuộc hộ nghèo; bị tàn tật, khuyết tật thuộc hộ cận nghèo; mồ côi cả cha lẫn mẹ; người dân tộc thiểu số rất ít người; học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú.

b) Giảm 50% các khoản thu đối với học sinh: Thuộc hộ cận nghèo; con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên; là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

### Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện tại các Kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 8 năm 2021. / *[Signature]*

Nơi nhận: *[Signature]*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB. QPPL Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH**



**Thái Bảo**